

Số: 397 /TT.HĐTĐKT

Bình Phước, ngày 25 tháng 4 năm 2019

V/v niêm yết hồ sơ đề nghị khen
thưởng thành tích tham gia Kháng
chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Kính gửi:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Bình Phước;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Sở Nội vụ.

Để việc đề nghị khen thưởng thành tích tham gia Kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của các cá nhân được chặt chẽ, đúng thành tích, đúng đối tượng theo quy định, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đề nghị Văn phòng UBND tỉnh, Báo Bình Phước, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và Sở Nội vụ hỗ trợ thực hiện việc niêm yết công khai danh sách những trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, Báo Bình Phước, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và Website của Sở Nội vụ.

Thời gian niêm yết danh sách là 10 ngày làm việc (Từ ngày 24/4/2019 đến hết ngày 10/5/2019). Mọi ý kiến phản ánh xin gửi văn bản về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh Bình Phước (Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh). Địa chỉ: Đường 6/1, khu phố Phú Lộc, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước hoặc địa chỉ Email: thidua binhphuoc@gmail.com. Sau thời gian niêm yết nêu trên nếu không có ý kiến phản ánh của nhân dân, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh sẽ hoàn tất thủ tục, hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét trình Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương Kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cho các cá nhân.

Vậy, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh rất mong nhận được sự phối hợp của Quý cơ quan.

(Gửi kèm Công văn này là danh sách đề nghị khen thưởng thành tích tham gia Kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
HỘI ĐỒNG TĐKT TỈNH



Phan Thị Phan

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG THÀNH TÍCH THAM GIA KHÁNG CHIẾN
 CHÔNG PHÁP VÀ CHÔNG MỸ CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**
 (Kèm theo Công văn số 397 /TT.HĐTĐKT
 ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh)

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Trú quán	Thời gian tham gia kháng chiến	Hình thức đề nghị khen thưởng	Ghi chú
I. Tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất (01 cá nhân)							
01	Truy tặng ông Võ Văn Chú	1928	Xã Vĩnh Nam, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	- Tháng 6/1955 - Tháng 12/1959: A trưởng, E304, K590 Cục Quân khí, tỉnh Thanh Hóa. - Tháng 01/1960 - Tháng 4/1965: Đội trưởng K46 Cục Quân khí, tỉnh Thanh Hóa. - Tháng 4/1966 - Tháng 11/1974: Chính trì viên phân kho, Đơn vị 9095, tỉnh Thanh Hóa.	Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.	
II. Tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (04 cá nhân)							
01	Ông Đoàn Văn Cúc	1947	Xã Bình Hòa, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An	Xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	- Tháng 3/1965 - Tháng 01/1969: Trung sĩ C5, H19, B11, Bộ tổng Tham mưu. - Tháng 01/1969 - Tháng 10/1970: Z15, Đoàn 367, B11, Bộ Tổng Tham mưu. - Tháng 10/1970 - Tháng 11/1977: J22,	Huân chương Kháng chiến hạng Nhì.	

02	Ông Nguyễn Chí Thân	1948	Xã Văn Đức, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương	Xã Thanh An, huyện Hón Quán, tỉnh Bình Phước	Cục II, Bộ Tổng tham mưu. - Năm 1961 - 1965: Bảo vệ, K49 Việt kiều, tỉnh Cam Phuy Chàm, Campuchia. - Năm 1965 - 1974 Bảo vệ Trung ương cục miền Nam, tỉnh Tây Ninh. - Tháng 02/1965 - Tháng 01/1970: Du kích mật xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang - Tháng 02/1970 - Tháng 4/1975: Chiến sỹ An ninh Vũ trang tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang). - Tháng 5/1975 - Tháng 10/1976: Đội phó Đội Cảnh sát cơ động, Phòng Cảnh sát bảo vệ, Công an tỉnh Tiền Giang. - Năm 1960 - Năm 1968: Vận động quần chúng đóng góp tiền cứu nước cho Hội việt kiều. - Năm 1968 - Tháng 12/1969: Về vùng giải phóng chiến đấu. - Năm 1970 - Tháng 10/1972: C30, 145B, Tổ trưởng tổ lái xe. - Tháng 11/1972 - Tháng 3/1975: Văn phòng M10, Tổ trưởng Đảng sửa chữa mô tô.	Huân Kháng chống Mỹ hạng Nhì.	Chương chiến hạng	
03	Ông Nguyễn Văn On	1950	Xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	Xã Phú Riêng, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	Huân Kháng chống Mỹ hạng Nhì.	Chương chiến hạng		
04	Ông Bùi Văn Khánh	1940	Xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Huân Kháng chống Mỹ hạng Nhì.	Chương chiến hạng		
III. Tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba (20 cá nhân)								
01	Liệt sỹ Phạm Huy Hòa	1957	Xã Thụy An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	Huân Kháng chống Mỹ hạng	Chương chiến hạng	Liệt sỹ hy nâng hạng khen	

					- Tháng 02/1974 - Tháng 6/1975: Chiến sĩ C61D6E12F3 tỉnh Bình Định.	Ba.		thương.
02	Liệt sỹ Điền Sa Rước	1953	Xã Lợi Hưng, huyện Bình Long, tỉnh Sông Bé	Xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	Tháng 4/1968 - Tháng 7/1971: Tiểu đội phó Ban an ninh Khu 10, tỉnh Phước Long.	Huân Kháng chống Mỹ hạng Ba.		
03	Ông Nguyễn Minh	1939	Xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	- Tháng 02/1964 - Tháng 10/1966: Dân công Đập Thủy Nông Cẩm Ly và Đập Thủy Nông Đá Mai, tỉnh Quảng Bình. - Tháng 11/1966 - Tháng 12/1967: Chiến sỹ hỏa tuyến, Bình trạm 14, Đ559, tỉnh Quảng Bình. - Tháng 01/1968 - Tháng 12/1975: Chiến sỹ Thanh niên Xung phong, C4, D72, MTB5, Quảng Trị.	Huân Kháng chống Mỹ hạng Ba.		
04	Ông Hoàng Vĩnh Phúc	1943	Xã Quảng Minh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Phường Tân Đông, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	- Tháng 01/1966 - Tháng 01/1970: Dân quân trực chiến xã Quảng Minh, huyện Quảng Trạch. - Tháng 12/1970 - Tháng 8/1978: Đơn vị C14, D6, E2, F9, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.	Huân Kháng chống Mỹ hạng Ba.		
05	Ông Cao Thanh Tra	1947	Xã Thanh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Phường Tân Xuân, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	- Tháng 10/1962 - Tháng 01/1964: Chiến sĩ H1, D24, CTR, tỉnh Tây Ninh. - Tháng 01/1964 - Tháng 5/1967: Y tá, H2, D1, Q761, Công trường 9, Miền Đông. - Tháng 5/1967 - Tháng 4/1975: Y tá, H3, D1, Q4, Công trường 5, Miền Đông.	Huân Kháng chống Mỹ hạng Ba.		
06	Ông	1950	Xã Quỳnh Long,	Xã Tân Hiệp,	- Tháng 7/1967 - Tháng 5/1969: Chiến	Huân chương		

	Trần Đại Dương		huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	huyện Hón Quán, tỉnh Bình Phước	sỹ đơn vị C22 Đoàn 22 Quân khu 4, tỉnh Quảng Trị - Tháng 6/1969 – Tháng 7/1973: Chiến sỹ M1 đơn vị 1650, tỉnh Quảng Trị - Tháng 8/1973 – Tháng 4/1975: Chiến sỹ đơn vị C14 D9 E132, tỉnh Quảng Nam	Huân chống Mỹ hạng Ba.	chiến hạng	
07	Ông Đỗ Văn Bàn	1950	Xã Quảng Thọ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thanh An, huyện Hón Quán, tỉnh Bình Phước	- Tháng 7/1965 - Tháng 02/1968: Thanh niên Xung phong, C106 Đại đội 43, tỉnh Thanh Hóa - Tháng 2/1968 – Tháng 6/1977 Chiến sỹ, phòng Hậu cần Lữ đoàn 273	Huân Kháng chống Mỹ hạng Ba.	chương chiến hạng	
08	Ông Nguyễn Việt Nguyễn	1947	Xã Thụy Ninh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Đa Kìa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	Tháng 6/1965 – Tháng 3/1968: Học vô tuyến điện C1, D5, E205 huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Tháng 4/1968 – Tháng 8/1968: Đường 559 đi B. Tháng 9/1968 – Tháng 4/1975: C1, D13, Phòng Quân báo Bộ Chỉ huy miền. Tháng 5/1975 – Tháng 01/1977: Chiến sĩ C1, D44, E23, Quân khu 7.	Huân Kháng chống Mỹ hạng Ba.	chương chiến hạng	
09	Ông Nguyễn Xuân Hoa	1946	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Long Tân, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	Tháng 3/1968 - Tháng 6/1975: Thượng sĩ C10D1E1F365. Quảng Nam.	Huân Kháng chiến chống Mỹ hạng Ba.	chương chiến hạng	
10	Bà Đào Thị Quế	1941	Xã Hùng Đô, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Xã Long Bình, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	- Tháng 12/1959 – Tháng 01/1964: Xã Đội phó. Phó Bí thư Xã đoàn Hùng Đô, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. - Tháng 02/1964 - Tháng 12/1973: B trưởng Dân quân du kích xã Hùng Đô, huyện Tam Nông.	Huân Kháng chống Mỹ hạng Ba.	chương chiến hạng	

11	Ông Phạm Ngọc Thân	1943	Xã Quảng Đức, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Phú Riêng, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	Tháng 02/1968 - Tháng 02/1975: Chiến sĩ C5D4E57F304.	Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Ba.	
12	Bà Lê Thị Thúy	1951	Xã Trung Sơn, huyện Bến Hải, tỉnh Bình Trị Thiên	Xã Phú Riêng, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	- Tháng 5/1967 - Tháng 4/1968: Du kích xã Trung Sơn, huyện Bến Hải, tỉnh Bình Trị Thiên. - Tháng 4/1968 - Tháng 10/1972: Đội viên Du kích bị thương điều trị tại Miền Bắc. - Tháng 10/1972 - Tháng 02/1975: Văn thư đánh máy UBND huyện Bến Hải, tỉnh Bình Trị Thiên. - Tháng 02/1975 - Tháng 8/1977: Văn thư đánh máy Phòng Giáo dục huyện Bến Hải, tỉnh Bình Trị Thiên.	Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Ba.	
13	Bà Yên Thị Dung	1939	Xã Quảng Thắng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Bình Tân, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	- Tháng 3/1960 - Tháng 3/1969: Bí thư Chi đoàn Khu Bắc Quảng Thắng, TP Thanh Hóa - Tháng 3/1969 - Tháng 9/1969: Dân công làm đường ở Cầu Giát, Tam Kỳ, Nghệ An - Tháng 10/1969 - Tháng 8/1970: Trực chiến tại xã Quảng Thắng, TP Thanh Hóa - Tháng 9/1970 - Tháng 3/1971: Dân công làm lân ở xã Như Thanh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. - Tháng 3/1971 - Tháng 3/1985: Kế toán xã Quảng Thắng, TP Thanh Hóa.	Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Ba.	
14	Ông Nguyễn Văn Pháp	1950	Xã Bạch Hạ, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội	Xã Bù Nho, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	Tháng 2/1965 - Tháng 12/1976: Tham gia lực lượng Thanh niên Xung phong tại tỉnh Thái Nguyên.	Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hàng	

15	Ông Đông Văn Định	1946	Xã Hợp Thịnh, huyện Hợp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Phường Long Thủy, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 02/1965 - Tháng 12/1966: Hạ sĩ C2, E228, Quân khu 3. - Tháng 12/1966 - Tháng 12/1967: Học viên Trường sĩ quan Sơn Tây. - Tháng 12/1967 - Tháng 10/1969: Trung đội trưởng B2, D274, F12, Tỉnh đội Hà Tây. - Tháng 10/1969 - Tháng 7/1973: Chính trị viên Đại đội D27, Đoàn 5 Công binh, Châu Thành, Mỹ Tho. - Tháng 7/1973 - Tháng 4/1975: Chính trị viên Tiểu đoàn 25F3K7, Long An. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 01/1963 - Tháng 6/1965: Dân quân Trung đội Hòa Đông Phú Lưu xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy. - Tháng 7/1965 - Tháng 6/1968: Thanh niên xung phong đơn vị C1D8N16P31. - Tháng 7/1968 - Tháng 8/1971: Học Y sĩ tự vệ nhà trường. - Tháng 9/1971 - Năm 1975: Y sĩ CB3Y19 Quảng Bình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 4/1964 - Tháng 2/1970: Tham gia công tác Hậu cần, Cấp dưỡng cho Hội Việt kiều Campuchia (Vùng 5 K49, Cục hậu cần 	Ba.	
16	Bà Trần Thị Vụng	1945	Xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Phường Phước Bình, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước		<ul style="list-style-type: none"> - Năm 1966 - Tháng 4/1975: Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng, Ban Chi huy Quân sự huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 11/1967 - Tháng 10/1974: Tiểu đội trưởng đơn vị C1, J14, Trung ương cục Miền Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Ba. 	
17	Ông Bùi Quốc Huy	1947	Xã Gio Mai, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước		<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 4/1964 - Tháng 2/1970: Tham gia công tác Hậu cần, Cấp dưỡng cho Hội Việt kiều Campuchia (Vùng 5 K49, Cục hậu cần 	<ul style="list-style-type: none"> Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Ba. 		
18	Ông Hoàng Văn Lăng	1950	Xã Nam Hưng, huyện Tiên Lăng, TP. Hải Phòng	Xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước		<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 4/1964 - Tháng 2/1970: Tham gia công tác Hậu cần, Cấp dưỡng cho Hội Việt kiều Campuchia (Vùng 5 K49, Cục hậu cần 	<ul style="list-style-type: none"> Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Ba. 		
19	Ông Phạm Văn Hà	1944	Xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước		<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 4/1964 - Tháng 2/1970: Tham gia công tác Hậu cần, Cấp dưỡng cho Hội Việt kiều Campuchia (Vùng 5 K49, Cục hậu cần 	<ul style="list-style-type: none"> Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Ba. 		

					340). - Tháng 3/1970 - Tháng 6/1974: Tham gia vận chuyển lương thực, vũ khí cho Hội Việt kiều Campuchia vùng 5 K 49 (D210A).	Ba.	
20	Ông Nguyễn Văn Tùng	1951	Xã Mỹ Hiệp, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Tháng 10/1967 - Tháng 6/1976: Trung đội trưởng C507, huyện đội Cầu Ngang.	Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Ba.	
IV. Tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất (37 cá nhân)							

01	Ông Lê Tấn Phước	1947	Xã Tam Giang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	- Tháng 02/1968 - Tháng 01/1971: Giao liên xã Kỳ Xuân (cũ), huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. - Tháng 02/1971 - Tháng 4/1975: Du kích xã Tam Giang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. - Tháng 10/1975 - Năm 1980: Công nhân Công trường Đường sắt Núi Thành, Quảng Nam.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Nhất.	
----	---------------------	------	---	--	---	---	--

02	Ông Lê Hồng Anh	1949	Xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Tháng 01/1964 - Tháng 11/1965: Học sinh hoạt động bí mật và tuyên truyền tại Huyện đoàn Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. - Tháng 12/1965 - Tháng 6/1966: Bị bắt giam tại nhà lao Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. - Tháng 6/1966 - Tháng 7/1967: hoạt động mật và tuyên truyền tại Huyện đoàn Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. - Tháng 8/1967 - Tháng 01/1968: Bị địch bắt và giam tại nhà lao Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. - Tháng 02/1968 - Tháng 01/1974: Mua	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Nhất.	
----	--------------------	------	---	---	--	---	--

					bán và vận chuyển hàng hóa, nhu yếu phẩm từ vùng địch về vùng cách mạng giải phóng (tại xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh).		
03	Ông Nông Văn Cư	1952	Xã Thanh Long, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	Xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 7/1968 - Tháng 2/1969: Chiến sỹ, đơn vị C4 D7a E3 F304b - Tháng 2/1969 - Tháng 7/1970: Chiến sỹ, đơn vị C52 K20 trực thuộc Bộ Tư lệnh B3, T10 tỉnh Kon Tum. - Tháng 7/1970 - Tháng 7/1971: Chiến sỹ, đơn vị E Bộ 670, trực thuộc Bộ Tư lệnh B3, T10 tỉnh Kon Tum. - Tháng 7/1971 - Tháng 11/1972: Chiến sỹ, đơn vị C5, trực thuộc E26 Gia Lai - Đắk Lắk. - Tháng 11/1972 - Tháng 2/1974: Chiến sỹ, đơn vị C5, Đoàn 374, tỉnh Đắk Lắk. 	Huy Kháng chống Mỹ hàng Nhất.	chương chiến hàng
04	Bà Nguyễn Thị Mây	1945	Xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	TT. Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 02/1964 - Tháng 12/1970: Dân quân trực chiến xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. - Tháng 12/1970 - Tháng 02/1975: Thư ký xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. - Tháng 4/1975 đến năm 1980 Thủ kho xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. 	Huy Kháng chống Mỹ hàng Nhất.	chương chiến hàng
05	Ông Nguyễn Văn Bình	1950	Xã Duy Hải, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	TT. Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 4/1972 - Tháng 10/1972: B1 C3 D7 13 E19 tỉnh Hà Nam. - Tháng 10/1972 - Tháng 3/1973: B1 	Huy Kháng chống Mỹ hàng	chương chiến hàng

				<p>C12 D3 E4 F7 đi B và chiến trường Miền Nam.</p> <p>- Tháng 7/1974: Chiến sĩ A trưởng C12 D3 E14 F7 Quốc lộ 14 Cầu Sông nha Bích (đội 25 Bến Cát).</p> <p>- Tháng 3/1975 - Tháng 4/1975: Thượng sỹ Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 14 Sư đoàn 7 Quân đoàn 4.</p>	Nhất		
06	Ông Nguyễn Văn Sáng	1928	Xã Thái Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Tân Lập, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước	<p>- Tháng 01/1946 - Tháng 3/1947: Giao liên thôn Nghĩa Phong, xã Thái Thành, huyện Thái Ninh.</p> <p>- Tháng 3/1947 - Tháng 01/1951: Chiến sĩ Du kích thôn Nghĩa Phong, xã Thái Thành, huyện Thái Ninh.</p> <p>- Tháng 01/1951 - Tháng 9/1951: Bị giặc bắt giam tại nhà tù Nam Định.</p> <p>- Tháng 9/1951 - Tháng 12/1952: Chiến sĩ Du kích Thôn Nghĩa Phong, xã Thái Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.</p> <p>- Tháng 12/1952 - Tháng 10/1953: Bị giặc bắt giam tại nhà tù Thái Bình.</p> <p>- Tháng 10/1953 - Tháng 8/1955: Chiến sĩ Du kích xã Thái Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.</p> <p>- Tháng 8/1955 - Tháng 8/1960: Ở nhà sản xuất thôn Nghĩa Phong, xã Thái Thành, huyện Thái Thụy.</p> <p>- Tháng 8/1960 - Tháng 4/1978: Xã viên Hợp tác xã Nông nghiệp Đội 1, xã Tân Lập.</p>	Huy Kháng chống Pháp hàng Nhất	chương chiến hàng

07	Ông Phạm Thanh Thương	1954	Xã Nga Vinh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đông Tiến, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước	Tháng 3/1971 - Tháng 11/1976: Chiến sỹ đơn vị C12, D9, E102b, F338, Lào.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.	
08	Ông Phan Văn Bình	1950	Xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây	Xã Tân Tiến, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước	- Tháng 8/1970 - Tháng 10/1970: đơn vị D27, Quận khu Tây Bắc, tỉnh Sơn La. - Tháng 11/1970 - Tháng 11/1975: đơn vị C1, D4, E82, quận khu Tây Bắc, Lào.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.	
09	Bà Đặng Thị Lương	1948	Xã Nam Hưng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình	Xã Tân Tiến, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước	- Tháng 12/1967 - Tháng 01/1973: Chiến sỹ dân quân du kích tập trung xã Nam Hưng, huyện Tiên Hải. - Năm 1974 đến năm 1987: Công nhân Nông trường coi Thanh niên tỉnh Thái Bình.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.	
10	Bà Trần Thị Giừ	1948	Xã Tĩnh Khê, huyện Sơn Tĩnh, tỉnh Quảng Ngãi	Phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	- Tháng 6/1966 - Tháng 12/1966: Du kịch thôn Cỏ Lũy, xã Tĩnh Khê, huyện Sơn Tĩnh. - Tháng 01/1967 - Tháng 12/1969: Du kịch xã Tĩnh Khê, huyện Sơn Tĩnh. - Tháng 01/1970 - Tháng 12/1972: Bình vận xã Tĩnh Khê, huyện Sơn Tĩnh. - Tháng 12/1972 - Tháng 4/1975: Du kịch xã Tĩnh Khê, huyện Sơn Tĩnh. - Tháng 4/1975 đến năm 1983: Thôn Cỏ Lũy, xã Tĩnh Khê, huyện Sơn Tĩnh.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.	
11	Ông Nguyễn Đức Duy	1954	Xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Xã Tân Thành, TP. Đông Xoài, tỉnh Bình Phước	- Tháng 9/1965 - Tháng 5/1971: Công nhân thợ nề, Công ty Xây dựng Cầu đường. Ty Giao thông Hải Dương. - Tháng 5/1971 - Tháng 10/1971: Công	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.	

					<p>nhân Công trường 20, Ban Xây dựng 67, Bộ Giao thông Vận tải.</p> <p>- Tháng 10/1971 - Tháng 8/1972: Công nhân Kỹ thuật, Công trường 10, Ban Xây dựng 67, Bộ Giao thông Vận tải.</p> <p>- Tháng 8/1972 - Tháng 6/1974: Công nhân Bảo vệ hiện trường, Công ty cầu đường 25, Bộ Giao thông Vận tải.</p> <p>- Tháng 7/1974 - Tháng 12/1982: Công nhân bảo vệ hiện trường, Công ty Cầu đường 25, Xi nghiệp Liên hợp Công trình 3, Bộ Giao thông Vận tải.</p>		
12	Bà Đoàn Thị Ánh	1940	Xã Vĩnh Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	Năm 1965 - 1969: Thu mua lương thực, thực phẩm cho đơn vị C61, Đoàn 81, Quân khu 7	Huy Kháng chống Mỹ hàng Nhất.	
13	Bà Phạm Thị Nụ	1953	Xã Giao Thanh, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	- Tháng 1/1970 - Tháng 02/1971: Chiến sỹ, đơn vị C5 D4 Tổng đội 63, tổng cục hậu cần, tỉnh Hà Bắc - Tháng 3/1971 - Tháng 2/1978: Chiến sỹ, Bệnh viện 951, đơn vị 9125 tổng đội 63, tổng cục hậu cần, Lào	Huy Kháng chống Mỹ hàng Nhất.	
14	Ông Nguyễn Văn Sơn	1950	Xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	Xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	Tháng 10/1968 - Tháng 4/1975: Chiến sỹ đơn vị biệt động mật, Đại đội biệt động, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Nhất.	
15	Ông Phạm Văn Luận	1945	Xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	Tháng 02/1970 - Tháng 6/1976: Đại đội 1, Tiểu đoàn 27, Sư đoàn 9, Quân đoàn 4.	Huy Kháng chống Mỹ hàng Nhất.	

16	Ông Lê Văn Chất	1950	Xã Tiên Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Xã Đông Nor, huyện Hón Quan, tỉnh Bình Phước	- Tháng 10/1969 - Tháng 11/1972: Du kích xã Tiên Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An - Tháng 12/1972 - Tháng 12/1975 Chiến sỹ, đơn vị D14 E22 Quân khu 4.	Huy Kháng chống Mỹ hạng Nhất.	Huy chương chiến Mỹ hạng
17	Ông Nguyễn Văn Đức	1954	Xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Xã Tân Hưng, huyện Hón Quan, tỉnh Bình Phước	- Tháng 2/1970 - Tháng 1/1972: Du kích xã Tân Hưng, huyện Hón quan. - Tháng 2/1972 - Tháng 9/1976 Chiến sỹ C75, huyện Hón quan, tỉnh Bình Phước	Huy Kháng chống Mỹ hạng Nhất.	Huy chương chiến Mỹ hạng
18	Ông Đặng Xuân Hiếu	1955		Xã Thanh An, huyện Hón Quan, tỉnh Bình Phước	Tháng 4/1970 - Tháng 4/1975: A phó, Y6, vùng 1, K49 B90 tỉnh Kong pông châm, Campuchia.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.	
19	Bà Luong Thị Nhung	1946	Xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	Tháng 02/1965 - Tháng 12/1970: Du kích xã Phú Văn, K14, Phước Long.	Huy Kháng chống Mỹ hạng Nhất.	Huy chương chiến Mỹ hạng
20	Bà Vũ Thị Thanh	1950		Xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	Tháng 7/1970 - Tháng 4/1975: Nuôi quần C1, D13 Phòng Quân báo Bộ Tư lệnh thông tin. Tháng 5/1975 - Tháng 01/1977: Nuôi quần C1, D44, E23. Quân khu 7.	Huy Kháng chống Mỹ hạng Nhất.	Huy chương chiến Mỹ hạng
21	Bà Bùi Thị Nhung	1960		Xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	- Tháng 01/1968 - Tháng 7/1974: Y tá 6.12.D149 Đoàn 13. QK 7 (hoạt động ở Campuchia). - Năm 1975 đến nay làm Nông trường 2 và nghỉ hưu tại xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập.	Huy Kháng chống Mỹ hạng Nhất.	Huy chương chiến Mỹ hạng
22	Ông	1954	Xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh	Xã Đăk O,	Tháng 6/1970 - Tháng 12/1975: Xã đội phó xã Thới An, huyện Gò Quau, tỉnh	Huy Kháng	Huy chương chiến Mỹ hạng

Võ Văn Mới	Kiên Giang	huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	Kiên Giang.	chống Mỹ hàng Nhất.
23 Bà Hoàng Thị Lý	1947 Xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Long Tân, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	- Năm 1964 - Năm 1967: Dân quân trực chiến xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc. - Năm 1968 - Năm 1969: Bí thư Chi đoàn thôn Xuân Lộc, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc. - Năm 1969 - Năm 1979: Cán bộ Kỹ thuật nông nghiệp xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Nhất.
24 Ông Trần Văn Mùi	1947 Xã Ngọc Trì, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	Xã Bù Nho, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	Tháng 5/1970 - Tháng 3/1975: Du kích, Bí thư Chi đoàn, Hội trưởng Hội Thanh niên Việt kiều đơn vị H2-K49.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Nhất.
25 Ông Lê Xuân Thọ	1941 Xã Đình Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Xã Long Hà, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	- Tháng 2/1960 - Tháng 12/1965: Chiến sỹ Kho 560 Cục Quân khí, tỉnh Phú Thọ - Tháng 1/1966 - Tháng 6/1968: Chiến sỹ Kho 370 Cục Quân khí, tỉnh Lạng Sơn - Tháng 7/1968 - Tháng 01/1969: Học viên Trường sỹ quan hậu cần, thành phố Hà Nội - Tháng 2/1969 - Tháng 10/1969: Học viên TT cấp đạ, tỉnh Hà Tây - Tháng 11/1969 - Tháng 5/1970: Chiến sỹ Kho 396 Cục Quân khí, tỉnh Thanh Hóa - Tháng 6/1970 - Tháng 5/1970: Chiến sỹ Kho 396 Cục Quân khí, tỉnh Thanh Hóa	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Nhất.

					- Tháng 6/1970 - Tháng 9/1975: Chiến sỹ Bình trạm 34 và bình trạm 30, Lào		
26	Ông Phạm Văn Sả	1942	Xã Xuân Thành, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Định	Xã Lộc Tân, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Năm 1968 - Năm 1969: Chiến sĩ học viên Trường Kỹ thuật, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 1970 - Năm 1971: Nhân viên Cơ yếu E292, Hòa Bình - Sơn La. Năm 1972 - Năm 1974: Nhân viên Cơ yếu D94 Đoàn 559, Bình trạm 470. Năm 1974 - Năm 1975: Nhân viên Cơ yếu Sư đoàn bộ 77, E210 Đông Xoài.	Huy Kháng chống Nhất.	Chương chiến Mỹ hàng
27	Ông Lâm Văn San	1956	Tỉnh Pur Sat, CamPuChia	Xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	- Tháng 8/1968 - Tháng 5/1970: làm giao liên mật tại Hội Việt kiều yêu nước tỉnh Pur Sat. - Tháng 5/1970 - Tháng 4/1975: Làm nhiệm vụ tải súng đạn và lương thực tại tỉnh Pur Sat thuộc K11.	Huy Kháng chống Nhất.	Chương chiến Mỹ hàng
28	Ông Bù Đức Tâm	1946	Xã Lâm Đông, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng	Xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Tháng 02/1968 - Tháng 4/1970: Du kích mật Hội Việt Kiều tại San Nua, Campuchia. Tháng 4/1970 - Tháng 5/1/973: Giao liên tại K49, Cache, Pông Châm. Tháng 6/1973 - Tháng 5/1975: Tham gia Du kích tại Ấp Hiệp Quyết, xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh.	Huy Kháng chống Nhất.	Chương chiến Mỹ hàng
29	Bà Phạm Thị Ty	1953	TT. Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	TT. Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Tháng 02/1968 - Tháng 8/1974: Y tá Triều đội trưởng An ninh vũ trang, Đoàn 180, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.	Huy Kháng chống Nhất.	Chương chiến Mỹ hàng
30	Bà	1935	Xã Lộc Hưng,	Xã Lộc Hưng,	Năm 1967 - Năm 1972: Giúp đỡ cách	Huy	Chương

	Nguyễn Thị Riệu		huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	màng lương thực, thực phẩm như sau: Gạo: 5450 kg; Muối: 5000 Kg; Nước mắm: 2000 chai; Bột ngọt: 1000 Kg; Thuốc tây các loại: 20.000.000 đồng; Dây điện: 5000 dây.	Kháng chống Mỹ chiến hạng	
31	Ông Phạm Văn Du	1944	Xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Năm 1962 - Năm 1975: Giao liên cơ sở bí mật tại K49 địa bàn tại Sờ 3 huyện Cần Khê, Campuchia.	Huy chương Kháng chống Mỹ chiến hạng Nhất.	
32	Bà Huỳnh Kim Ngọc	1956	Xã Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	- Tháng 2/1970 - Tháng 11/1975: Chiến sỹ, đơn vị C62 huyện Châu Thành, tỉnh Bình Dương	Huy chương Kháng chống Mỹ chiến hạng Nhất.	
33	Ông Văn Công Hai	1937	Xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Năm 1963 - Năm 1972: Là cơ sở mật năm tình hình địch để báo cho cách mạng.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.	
34	Bà Nguyễn Thị Lân	1953	Xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Tháng 3/1965 - Tháng 4/1974: Làm công tác giao liên của Việt kiều yêu nước ở Vùng 5, K49, tỉnh Kratie.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.	
35	Bà Võ Thị Hương	1939	Xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Tháng 3/1960 - Tháng 02/1966: Làm công tác giao liên của Việt kiều yêu nước huyện Côt Sính, tỉnh Kompong.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.	
36	Ông Trương Văn Hoàng	1948	Xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Tháng 02/1964 - Tháng 5/1970: Tham gia phong trào Việt kiều yêu nước ở vùng 4, K49 (huyện Ca Cồ, tỉnh Kratie).	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.	
37	Ông Nguyễn Hào Tâm	1945	Xã Mỹ Luôn, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	Xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Tháng 01/1969 - Tháng 4/1975: Trung sĩ Đoàn 340, Cục hậu cần Miền Nam.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng	

V. Tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhì (48 cá nhân)

Nhất.

01	Ông Nguyễn Mạnh Hà	1947	Xã Lê Ninh, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Dương	Phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	<p>- Tháng 4/1968 - Tháng 5/1968: Chiến sĩ Bình nhì huấn luyện tỉnh đội Hải Dương.</p> <p>- Tháng 5/1968 - Tháng 02/1969: Chiến sĩ Bình nhất, đi B làm vận tải tại Ninh Hòa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.</p> <p>- Tháng 02/1969 - Tháng 11/1969: Chiến sĩ Bình nhất Đoàn an dưỡng 251, Tiên Lữ, Hưng Yên.</p> <p>- Tháng 11/1969 - Tháng 3/1970: Chiến sĩ Bình nhất Đoàn an dưỡng 155, Bình Giang, Hải Dương.</p> <p>- Tháng 3/1970 - Tháng 11/1971: Tổng đội 63 Cục Hậu cần, Từ Liêm, Hà Nội.</p>	Huy Kháng chống Mỹ hạng Nhì.	chương chiến hạng
02	Ông Lương Văn Phương	1954	Xã Dương Đức, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Xã Thanh lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	<p>- Tháng 5/1970 - Tháng 8/1973: Đội viên Dân công Hòa tuyến Lạng Giang.</p> <p>- Tháng 8/1973 - Tháng 4/1975: Chiến sỹ D39, F473, Đoàn 559, Bộ đội Chiến trường A Sâu - A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Tháng 5/1975 - Tháng 10/1976: A trưởng. C10, E531, F474, Đồng Hên, Xê Phôn, Lào.</p>	Huy Kháng chống Mỹ hạng Nhì.	chương chiến hạng
03	Bà Đàm Thị Phương	1931	Xã Thái Nguyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	<p>- Năm 1960 - Năm 1968: Tiếp tế gạo muối, thuộc tây, tin tức... tại xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.</p>	Huy Kháng chống Mỹ hạng Nhì.	chương chiến hạng

					- Năm 1968 - Năm 1975: Tiếp tế đơn vị A112 huyện Châu Thành A, tỉnh An Giang.		
04	Bà Bùi Thị Thu Trinh	1960		Xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	- Tháng 3/1972 - Tháng 5/1972: Trường thiếu sinh quân Thành đội Sài Gòn-Gia Định. - Tháng 5/1972 - Tháng 10/1973: Học viên bảo vụ và công tác, H6, Ban Thông tin, Thành đội Sài Gòn - Gia Định. - Tháng 10/1973 - Tháng 03/1975: Học văn hóa Trường Thiếu sinh quân, Thành đội Sài Gòn - Gia Định.	Huy Kháng chống Mỹ hàng Nhì.	chương chiến hàng
05	Ông Đinh Quốc Kỳ	1957	Xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	- Tháng 01/1972 - Tháng 02/1974: Dân quân trực chiến phòng không máy bay địch, Ban Chỉ huy Quân sự xã Gia Vân, huyện Gia Viễn. - Tháng 02/1974 - Tháng 11/1974: B1, Chiến sĩ B8C3D2 Đoàn 558 Quân khu 9. - Tháng 11/1974 - Tháng 8/1979: H2, H3 Tiểu đội trưởng, B8C3D2 Đoàn 558 Quân khu 9.	Huy Kháng chống Mỹ hàng Nhì.	chương chiến hàng
06	Ông Bùi Văn Chuyên	1956	Xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	- Tháng 12/1972 - Tháng 5/1973: B2, Chiến sỹ D757, E15, Quân khu Hữu Ngạn, Thạch Thành, Thanh Hóa. - Tháng 6/1973 - Tháng 3/1975: B1, Chiến sỹ C12, D9, E209, F312. Nghệ An - Thanh Hóa. Tháng 3/1975 - Tháng 5/1975: B1, Chiến sỹ C12, D9, E209, F312, Bản Cát	Huy Kháng chống Mỹ hàng Nhì.	chương chiến hàng

07	Ông Phạm Huy Vinh	1957	Xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		- Bình Dương. - Tháng 4/1973 - Tháng 7/1973: Chiến sỹ Tiểu đoàn 939, Tỉnh đội Thái Bình - Tháng 7/1973 - Tháng 4/1975: Trung sỹ Quản lý Hậu cần, Trung đoàn 117, Sư 2, huyện Bình Long, tỉnh Sông Bé. - Tháng 5/1975 - Tháng 12/1977: Chuẩn ý Quản lý Hậu cần, Trung đoàn 117, Sư 2, Biên giới Tây Nam (huyện Đức Hòa, tỉnh Long An).	Huy chương Kháng chống Mỹ hạng Nhì.		
08	Bà Trần Thị Mai	1953	Xã Quang Trung, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	Xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		Tháng 8/1971 - Tháng 5/1975: Chiến sỹ Bình trạm 27, Đoàn 559, Quảng Trị - Thừa Thiên Huế.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.		
09	Bà Lê Thị Bình	1950	Xã Tân Khang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		Tháng 2/1972 - Tháng 1/1980: Chiến sỹ quân y, Đơn vị E53, Sư đoàn 471, Bộ Tư lệnh 559.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.		
10	Bà Đỗ Thị Tho	1952	Xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	TT. Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước		Tháng 12/1968 - Tháng 10/1975: Chiến sỹ dân quân du kích xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.		
11	Bà Lê Thị Mười	1947	Xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Xã Minh Long, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước		- Năm 1961: Đào địa đạo hầm chông 15 lần (mỗi lần 01 ngày đào, trong 15 lần đào bằng 15 ngày). - Năm 1962: Đào địa đạo hầm chông 15 lần (mỗi lần 01 ngày đào, trong 15 lần đào bằng 15 ngày). - Năm 1963: Đào đường số 07 xã An Nhơn Tây (05 ngày); đi tái đạn ở Đức Hòa - Đức Huệ về Nhuận Đức xóm Bung (06 ngày); đi tái đạn từ Gia Be về Nhuận Đức xóm Bung (10 ngày); đi tái	Huy chương Kháng chống Mỹ hạng Nhì.		

				<p>từ xã Thanh An về Nhuận Đức xóm Bưng (07 ngày); đi tải đạn từ Thanh Tuyên về Nhuận Đức xóm Bưng (06 ngày).</p> <p>- Năm 1964: Tải thương binh, bệnh binh từ Phú Hòa Đông về Nhuận Đức xóm Bưng (nuôi 02 thương binh, chăm sóc thuốc men...).</p>			
12	Ông Trần Đức Thê	1950	Phường Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Thị trấn Tân Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước	<p>- Tháng 2/1967 - Tháng 10/1968: Ban Liên lạc Trục chiến xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.</p> <p>- Tháng 10/1968 - Tháng 12/1972: Thanh niên Xung phong, C7, N55, P18, Ngã Ba Đông Lộc, đường 15A.</p> <p>- Tháng 12/1972 - Tháng 10/1975: Dân quân trực chiến Đội DKZ 82, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.</p>	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Nhì.	
13	Ông Lê Văn Mãn	1950	Xã Thăng Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước	<p>- Tháng 01/1969 - Tháng 02/1972: Công nhân Thủy lợi Chi Giang 8, tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>- Tháng 02/1972 - Tháng 4/1972: Chiến sĩ Đại đội 30.685 E24, tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>- Tháng 4/1972 - Tháng 11/1972: Chiến sỹ, hành quân vào Nam.</p> <p>- Tháng 10/1972 - Tháng 11/1972: Chiến sĩ Vận tải B3.</p> <p>- Tháng 11/1972 - Tháng 5/1973: Chiến sỹ chiến đấu C12 D631 B3, tỉnh Gia Lai.</p> <p>- Tháng 5/1973 - Tháng 10/1973: Đi học</p>	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Nhì.	

				<p>Trưởng sĩ quan F320, tỉnh Gia Lai.</p> <p>- Tháng 10/1973 - Tháng 10/1975: Chiến đấu C11 D631 B3, tỉnh Gia Lai.</p> <p>- Tháng 10/1975 - Tháng 6/1976: Chiến đấu C1 D1 E25 B3, tỉnh Đắk Lắk.</p>			
14	Bà Nguyễn Thị Lý	1946	Xã Thạch Liên, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	<p>- Tháng 01/1963 - Tháng 12/1964: Cán bộ đoàn, B trưởng Du kích xã Thạch Liên, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.</p> <p>- Tháng 01/1965 - Tháng 12/1972: B trưởng Du kích xã Thạch Liên (cán bộ phụ nữ xã), huyện Thạch Hà.</p> <p>- Tháng 01/1973 - Tháng 12/1975: Cán bộ Phụ nữ Xóm hạnh, B trưởng du kích xã Thạch Liên, huyện Thạch Hà.</p>	Huy Kháng chống Mỹ hàng Nhì.	chương chiến hàng
15	Bà Vũ Thị Thảo	1941	Xã An Ninh, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình	Phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	Tháng 01/1970 - Tháng 7/1978: Công nhân quốc phòng Z175, Tổng Cục Kỹ thuật, Bộ Quốc phòng.	Huy Kháng chống Mỹ hàng Nhì.	chương chiến hàng
16	Bà Đỗ Thị Loan	1949	Xã Liên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	Tháng 2/1967 - 1/1973: Dân quân tập trung, Ban Chi huy quân sự huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Huy Kháng chống Mỹ hàng Nhì.	chương chiến hàng
17	Bà Nguyễn Thị Muôn	1929	Xã Xuân Lạc, huyện Bình Minh, tỉnh Khánh Hòa	Xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	Năm 1964 - Năm 1967: Tại Sacó 28, tiếp tế 100kg gạo, thuốc tây, 24 cái võng, 16 cái mùng, 05 cái mền, nhiều thức ăn, thực phẩm khác cho bộ đội địa phương và bộ đội ngoài bắc đi chiến đấu vào Nam (tổng số lần tiếp tế là 04 lần); che dấu, nuôi dưỡng cán bộ cách mạng được	Huy Kháng chống Mỹ hàng Nhì.	chương chiến hàng

					06 lần.		
18	Ông Phùng Ngọc Thăng	1954	Xã Kim Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Xã Tân Hiệp, huyện Hón Quan, tỉnh Bình Phước	Tháng 9/1973 - Tháng 3/1975: B1, Chiến sĩ C12, F99, D559.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.	
19	Ông Trương Công Bằng	1953	Xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội	Xã Tân Hiệp, huyện Hón Quan, tỉnh Bình Phước	- Tháng 9/1972 - Tháng 01/1973: Chiến sỹ đơn vị C1 D74 F304b, tỉnh Thái Nguyên. - Tháng 1/1973 - Tháng 7/1973: Chiến sỹ D2013. - Tháng 7/1973 - Tháng 10/1975: A phó, C3 Z28, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.	
20	Ông Vũ Văn Thuận	1949	Xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Xã Tân Lợi, huyện Hón Quan, tỉnh Bình Phước	- Tháng 7/1968 - Tháng 10/1973: Giáo viên cấp 2, Duyệt ngoại, huyện Duy Tiên, tỉnh Nam Hà. - Tháng 11/1973 - Tháng 10/1977: Thanh niên Xung phong Chuyên trách Bồ túc Văn hóa, Công ty Cầu đường II. - Tháng 11/1977 - Tháng 8/1979: Giáo viên cấp 2, xã Hương Sơn, huyện Hương Điện, tỉnh Bình Trị Thiên.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.	
21	Ông Hoàng Cao Tấn	1952	Xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thanh An, huyện Hón Quan, tỉnh Bình Phước	- Tháng 12/1970 - Tháng 11/1971: Chiến sỹ Tiểu đoàn 608, Sư đoàn 338, tỉnh Tây Ninh. - Tháng 11/1971 - Tháng 3/1977: Trung đội bậc phó, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn Gia Định.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.	
22	Ông Trình Xuân Hóm	1952	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung,	Xã Thanh An, huyện Hón Quan,	- Tháng 1/1972 - Tháng 11/1972: Chiến sỹ Đại đội 52, Tiểu đoàn 6, Sư đoàn 305,	Huy chương Kháng chiến	


			tỉnh Thanh Hóa	tỉnh Bình Phước	TP. Hà Nội. - Tháng 12/1972 – Tháng 3/1973: Tiểu đội trưởng, Đại đội 3, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên – Huế. - Tháng 4/1973-Tháng 12/1975 Tiểu đội trưởng vệ binh Tỉnh đội Thừa Thiên – Huế	chống Mỹ hạng Nhì.	
23	Ông Trần Hoàng Hải	1961	Xã Nhon Tây, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	Năm 1972 – Tháng 4/1975: Nhân viên đưa thư, Bưu điện Bình Phước, làm việc tại huyện Bù Đốp	Huy Kháng chống Mỹ hạng Nhì.	
24	Ông Trần Quyết Thắng	1952	Xã Lương Ninh, huyện Quang Ninh, tỉnh Quảng Bình	Xã Đa Kìa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	Tháng 02/1968 – Tháng 01/1971: Dân quân trực chiến B12,7mm xã Lương Ninh, huyện Quang Ninh. Tháng 01/1971-Tháng 4/1971: Binh nhì, Chiến sĩ C359 Tỉnh đội Quảng Bình. Tháng 4/1971 - Tháng 12/1971: Binh nhì, Binh nhất, Chiến sĩ CID167 Quân Khu 4. Tháng 12/1971-Tháng 5/1972: Binh nhất Khẩu đội phó C13 E271 Quân khu 4. Tháng 6/1972 – Tháng 7/1975: B trưởng C14E271 Quân khu Trị Thiên.	Huy Kháng chống Mỹ hạng Nhì.	
25	Ông Lê Văn Long	1935	Xã Lương Ninh, huyện Quang Ninh, tỉnh Quảng bình	Xã Đa Kìa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	Tháng 10/1965 – Tháng 11/1970: Khẩu đội phó C2, D9, Quảng Bình. Tháng 11/1971 – Tháng 4/1975: Tiểu Đội trưởng 12ly 7 Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Tháng 5/1975 – Tháng 02/1982: Lái máy	Huy Kháng chống Mỹ hạng Nhì.	

					Kéo tại huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.		
26	Ông Nguyễn Văn Tinh	1957	Xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	Xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	Tháng 01/1971 - Tháng 4/1975: Du kích xã đội Thuận Kiềm, K16, Phước Long.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.	
27	Bà Lương Thị Liễu	1956	Xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	Tháng 01/1971 - Tháng 4/1975: Du kích xã đội Thuận Kiềm, K16, Phước Long.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.	
28	Ông Nguyễn Đình Hoa	1950	Xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	Tháng 02/1968 - Tháng 4/1969: Liên lạc Đại đội dân quân xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, Tháng 5/1969 - Tháng 12/1972: Tiểu đội trưởng pháo 12ly7 Đại đội Dân quân xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Tháng 01/1973 - Tháng 12/1973: Trung đội trưởng pháo 12ly7 Đại đội Dân quân xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.	
29	Ông Phạm Hải Đăng	1952	Xã Bình Minh, huyện Nam Trạch, tỉnh Nam Định	Xã Đắc O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	Tháng 02/1969 - Tháng 11/1969: Văn thư xã Đội Nam Dương, huyện Nam Trạch, tỉnh Nam Định. Tháng 11/1969 - Tháng 5/1971: A Phó A8B3C1 Thanh niên xung phong xã Như Trác, huyện Lý Nhân, tỉnh Nam Hà. Tháng 5/1971 - Tháng 6/1985: Phó Trưởng phòng Vật tư Thủy điện Sông Đà.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.	
30	Ông Lê Văn Sứ	1950	Xã Quảng Hùng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	Tháng 12/1969 - Tháng 7/1976: Y tá D4, Đoàn 126, Hải Quân, Hải Phòng - Quảng Trị.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.	

31	Bà Nguyễn Thị Bình	1952	Xã Nam Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Xã Phú Riêng, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	- Tháng 6/1967 - Tháng 10/1970: Chiến sỹ XK328, N63, P27, Nghệ An - Hà Tĩnh. - Tháng 10/1970 - Tháng 01/1971: Về quê làm nông ở xã Nam Thành, huyện Yên Thành. - Tháng 01/1971 - Tháng 01/1972: Dân công Hỏa tuyến huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. - Năm 1972 - Năm 1990: Về làm ruộng tại xã Nam Thành, huyện Yên Thành.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Nhì.	
32	Ông Hà Thanh Thoãn	1956	Xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	Xã Phú Riêng, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	- Tháng 6/1974 - Tháng 12/1974: Chiến sỹ, đơn vị C2 D679 Trung đoàn 2, tỉnh Hải Hưng - Tháng 01/1975 Chiến sỹ đi B, đường dây 559 - Tháng 1/1975 - Tháng 4/1975: Chiến sỹ, đơn vị C42 D2 E262 F3b, BTL miền Đông Nam bộ	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Nhì.	
33	Bà Nguyễn Thị Phiệp	1954	Xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Xã Phú Riêng, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	- Tháng 6/1970 - Tháng 9/1972: Dân quân Du kích xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh - Tháng 10/1972 - Tháng 2/1976: Thanh niên Xung phong, đơn vị C2991N299P18, tỉnh Hà Tĩnh	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Nhì.	
34	Ông Nguyễn Doãn Đản	1950	Xã Thạch Thanh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Xã Bình Tân, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	- Tháng 8/1971 - Tháng 11/1971: Chiến sỹ Đoàn 22B, tỉnh Hà Tĩnh - Tháng 12/1971 - Tháng 8/1976 Chiến sỹ, đơn vị C 20 E1 F324, tỉnh Bình Trị Thiên	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hàng Nhì.	
35	Ông Nguyễn Văn Thành	1950	Xã Yên Thọ, huyện Ý Yên, tỉnh Hà Nam	Xã Bù Nho, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	- Tháng 5/1970 - Tháng 8/1973: Dân quân trực chiến Xã Yên Thọ, huyện Ý Yên, tỉnh Hà Nam	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hàng	

						- Tháng 8/1973 - Tháng 11/1973: Chiến sỹ, Đơn vị C4 D3 E19, tinh đội Nam Định - Tháng 12/1973 - Tháng 10/1977: Chiến sỹ, Đơn vị C3 E14 F473 đoàn 559, tinh Bình Trị Thiên	Nhi.
36	Ông Phạm Mạnh Cường	1953	Xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Năm 1972 - 1975: Cán bộ phòng Giáo dục huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.	
37	Bà Trần Thị Nguyệt	1954	Phường Hương Văn, TX Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	Xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	1964 - 1975: Làm cơ sở đưa tin, công tác phụ nữ, mua lương thực, thực phẩm, cất dấu để tiếp tế cho cán bộ, bộ đội ở huyện Hương Trà;	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.	
38	Ông Vi Văn Bán	1952	Xã Ngọc Khê, huyện Trung Khánh, tỉnh Cao Bằng	Xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	- Tháng 8/1969 - Tháng 12/1969: Chiến sỹ, đơn vị C2 D3 E174 F316, huyện Yên Thế, tỉnh Hà Bắc - Tháng 12/1969 - Tháng 1/1973: Chiến sỹ, đơn vị C2 D3 E174 F316, Lào	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.	
39	Bà Vũ Thị Thía	1957	Xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Tháng 02/1972 - Tháng 6/1976: Du kích xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.	
40	Ông Lê Công Hòa	1955	Xã Cai Dừng, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang	Xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	- Tháng 6/1971 - Tháng 4/1972: Giáo viên K49 vùng 4, xã Ô Rư Xây, thị xã Krachê, tỉnh Krachê, - Tháng 5/1972 - Tháng 7/1974: Chiến sỹ, C8 E570, Campuchia - Tháng 8/1974 - Tháng 10/1974: Chiến sỹ, C3 E340 - Tháng 11/1974 - Tháng 10/1975: Chiến	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.	

									sỹ, đơn vị D10 E340, Campuchia
41	Bà Trần Thị Phương	1957	Huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	Tháng 10/1970 - Tháng 5/1975: C12 Văn phòng Trung ương Cục Miền Nam.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.			
42	Ông Nguyễn Văn Thiện	1955	Xã Phú Chân, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	Tháng 6/1970 - Tháng 6/1973: DK, CA, TNXP làng 5, Chúp Campuchia. Tháng 6/1973 - Tháng 3/1975: Học trường DQMN, Trường 30B, Tân Lập, Bến Cát. Tháng 3/1975 - Tháng 12/1975: Chiến sĩ quản lý C9D3 Phú Lợi, Thủ Dầu Một.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.			
43	Bà Trần Thị Tinh	1960	Xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	Tháng 01/1972 - Tháng 4/1975: Chiến sĩ Dân quân du kích xã Lộc Thạnh (làng 9 cũ), huyện Lộc Ninh.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.			
44	Bà Nguyễn Thị Cúc	1958	Xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	Tháng 5/1971 - Tháng 4/1975: Dân quân du kích tập trung xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.			
45	Bà Nguyễn Thị Cúc	1956	Xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	Tháng 12/1971 - Tháng 12/1976: Dân quân du kích xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.			
46	Ông Nguyễn Quang Minh	1959	Xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Xã Lộc Thuận, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	Tháng 01/1970 - Tháng 4/1975: Cùng gia đình giúp đỡ cách mạng như làm cơ sở mật nắm tin tức, giao liên chuyển thư tủ, nuôi giấu cán bộ nắm hầm bí mật trong nhà.	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.			
47	Bà	1944	Xã Văn Hóa.	Xã Thiện Hưng,	Tháng 5/1965 - Tháng 01/1969: Tiểu đội phó Thanh niên xung phong, N75, P31,	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ			

	Trần Thị Mỹ		huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Quảng Bình.	hạng Nhì.	
48	Bà Ngô Thị Nguyễn	1954	Xã Hải Lệ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	Xã Thiện Hưng, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	- Năm 1964 - 1971: Hoạt động đưa tin, nuôi dậu cán bộ, xã Hải Lệ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. - Năm 1972 - 1976: Tham gia lực lượng Đu kích xã Hải Lệ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.	Huy Kháng chống Mỹ hạng Nhì.	
VI. Tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (61 cá nhân)							
01	Ông Nguyễn Văn Nhất	1954	Xã Tân An, TX. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	Tháng 4/1972 - Tháng 5/1975: Đội phó C31, huyện Lộc Ninh.	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
02	Ông Đặng Văn Cấn	1955	Xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	- Tháng 4/1972 - Tháng 6/1973: Chiến sĩ C14, 572, Lào. - Tháng 6/1973 - Tháng 6/1975: Chiến sĩ BT 18, Đ 559 Quảng Trị.	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
03	Ông Phạm Văn Lợi	1950	Xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	- Tháng 12/1971 - Tháng 6/1972: Tân binh C5, D36, E60, F305 tỉnh Hà Bắc. - Tháng 6/1972 - Tháng 7/1973: Trình sát C20, E209, F312 tỉnh Quảng Trị. - Tháng 7/1973 - Tháng 01/1975: Quản lý C25, F312 tỉnh Thanh Hóa.	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
04	Ông Vũ Văn Sự	1940	Xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	Tháng 4/1959 - Tháng 5/1962: B1, Chiến sĩ, C2, D600, Ba Đình, Hà Nội.	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
05	Bà Bùi Thị Huyền	1947	Xã Bắc Hải, huyện Tiên Hải,	Xã Thanh Lương, thị xã Bình Long,	- Năm 1967 - Tháng 01/1972: Đoàn Thanh niên xã Bắc Hải, huyện Tiên Hải.	Bằng khen của Chủ tịch UBND	

			tỉnh Thái Bình	tỉnh Bình Phước	- Tháng 02/1972 - Tháng 12/1975: Thanh niên xung phong C2733, Đội 273 Nghệ An- Quảng Trị.	tỉnh.	
06	Ông Nguyễn Văn Huệ	1954	Xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	Tháng 5/1972 - Tháng 8/1975: Tiểu đội phó C70, huyện đội Bình Long.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
07	Ông Bùi Thanh Hải	1954	Xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Thanh lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	- Tháng 4/1972 - Tháng 4/1973: Thanh niên xung phong C14, Trung đoàn 572, Lào. - Tháng 4/1973 - Tháng 5/1975: Thanh niên xung phong BT14, Đ559, Quảng Trị. - Tháng 6/1975 - Tháng 4/1979: Học sinh Trường Đường sắt Bắc Thái.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
08	Ông Hứa Cường Dầu	1954	Xã Thiện Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	Tháng 5/1972 - Tháng 02/1973: Binh nhì Chiến sĩ Công an vũ trang tỉnh Hà Bắc. Tháng 02/1973 - Tháng 12/1973: Binh nhất Y tá, Công an vũ trang Hà Nội. Tháng 12/1973 - Tháng 4/1975: Hạ sĩ Y tá Công an tỉnh Lạng Sơn. Tháng 4/1975 - Tháng 5/1978: Thượng sĩ Công an tỉnh Sông Bé.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
09	Ông Nguyễn Văn Chính	1953	Xã Thủ Sĩ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	Tháng 4/1972 - Tháng 12/1976: Chiến D7, E102, F338, Nam Lào.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
10	Bà Trần Thị Lệ	1956	Xã Tam Giang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	- Tháng 5/1970 - Tháng 01/1971: Giao liên xã Kỳ Xuân (cũ), huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. - Tháng 02/1971 - Tháng 4/1975: Du kích xã Tam Giang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	

					Nam. - Tháng 10/1975 - Năm 1980: Công nhân Công trường Đường sắt Núi Thành, Quảng Nam.		
11	Bà Vân Thị Huân	1946	Xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Tháng 5/1965 - Tháng 8/1968: Đơn vị C104, D263, Quảng Bình.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
12	Ông Vũ Xuân Dục	1949	Xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Tháng 8/1973 - Tháng 10/1976: Chiến sĩ E226, Cao Xạ, Quảng Trị.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
13	Ông Lê Đình Nương	1950	Xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Thuận Lợi, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước	- Tháng 9/1972 - Tháng 5/1973: Học viên Trường Lái xe BTL, tỉnh Sơn Tây. - Tháng 6/1973 - Tháng 10/1974: Lái xe đơn vị D4, BTL Thông tin liên lạc, tỉnh Hòa Bình. - Tháng 11/1974 - Tháng 4/1975: Lái xe Chiến trường miền Nam.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
14	Bà Hoàng Thị Tý	1952	Xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Tân Lập, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước	Tháng 2/1972 - Tháng 2/1975: Thanh niên Xung phong đơn vị N273, C2731, Đoàn 559, Trường Sơn.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
15	Bà Duong Thị Lý	1960	Xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Phường Tân Phú, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	Tháng 01/1971 - Tháng 01/1973: Bà đã cùng với gia đình phục vụ cheo đò ngang chuyên chở bộ đội, thương binh qua sông, phục vụ hậu cần và giúp đỡ các đơn vị quân đội trên đường hành quân vào Nam và tạm nghỉ tại nhà mình.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
16	Ông Phạm Văn Thắng	1950	Xã An Lộc, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước	Phường Tân Đông, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	- Tháng 5/1972 - Năm 1974: Tài xế Ban Kinh tài huyện Hớn Quản, tỉnh Sông Bé. - Năm 1975 - Năm 1980: Tài xế Ban Xây dựng vùng kinh tế mới huyện Hớn Quản.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	

17	Bà Lê Thị Oanh	1955	Xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Phường Tân Đông, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	Tháng 4/1972 - Tháng 5/1975: Nhân viên Ban Kinh tài huyện Hớn Quản, tỉnh Sông Bé.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
18	Bà Nguyễn Thị Dân	1954	Xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	Xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	Tháng 01/1972 - Tháng 01/1979: Du kích thôn Xa Trạch, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Sông Bé.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
19	Ông Phạm Văn Dũng	1957	Xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	Xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	- Tháng 4/1972 - Tháng 9/1972: Chiến sĩ xã đội Thiên Hưng, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. - Tháng 9/1972 - Tháng 4/1975: Nhân viên Kế toán Tiểu ban Thương nghiệp tỉnh Bình Phước.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
20	Bà Nguyễn Thị Mão	1956	Xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	- Tháng 2/1970 - Tháng 02/1972: Du kích xã Tân Quan, huyện Hớn quản, tỉnh Bình Phước - Tháng 3/1972 - Tháng 4/1978 Du kích xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
21	Bà Nguyễn Thị Liễu	1957	Xã Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	- Tháng 1/1970 - Tháng 02/1972: Du kích xã Tân Hưng, huyện Hớn quản, tỉnh Bình Phước - Tháng 3/1972 - Tháng 4/1978 Du kích xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
22	Ông Phạm Đức Hạnh	1948	Xã Trục Đạo, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định	Xã Thanh Bình, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	Tháng 7/1968 - Tháng 12/1971: Tiểu đội phó Đại đội 1, Đội 227, Tổng đội 60, Sân bay Yên Bái.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
23	Ông Trịnh Văn Tuyết	1954	Xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	- Tháng 5/1972 - Tháng 6/1972: huấn luyện tân binh, tỉnh Hòa Bình - Tháng 7/1972 - Tháng 7/1976: A	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	

				trưởng, đơn vị C4 D4 E27 F390 Quân đoàn 1, tỉnh Quảng Trị			
24	Ông Hò Hoài Sơn	1954	Xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Xã An Phú, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	- Tháng 12/1972 – Tháng 8/1973: huấn luyện tại quân khu 4 - Tháng 9/1973 – Tháng 5/1975: Chiến sỹ Đoàn 559	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
25	Bà Lương Thị Lưu	1944	Xã Hoàng Thịnh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Bình Sơn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	Tháng 4/1971 - Tháng 11/1974: Thanh niên Xung phong 795, N89, Đội P31, Ban Xây dựng 67, tuyến đường 12A, Quảng Bình.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
26	Bà Nguyễn Thị Tho	1955	Xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Đa Kìa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	Tháng 02/1971 – năm 1973: Du kích km8 Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tháng 7/1974 – Năm 1978: Quản lý Trung đoàn Bộ 592, Trung đoàn 592 Se Pôn, Bản Đông, Lào.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
27	Ông Phạm Trung Kiên	1952	Xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Long Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	- Tháng 4/1969 - Tháng 12/1972: A phó, đơn vị N235 C2351 P31, tỉnh Quảng Bình. - Tháng 2/1973 - Tháng 5/1974: Học viên âm nhạc, sáng tác, tại Trường văn hóa Nghệ thuật tỉnh Thanh Hóa và Ty Văn hóa Thanh Hóa.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	Hồ sơ cá nhân không bổ sung được: Biên bản Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của xã Long Tân chưa hợp xét thời gian từ năm 1972 đến nay (thời điểm kê khai hồ sơ) làm gì, ở đâu? Do vậy cần bổ sung thời gian xét từ 1972 - 2017 tại Phiếu Kiểm tra ngày 06/11/2017.
28	Bà Lê Thị Hiếu	1951	Xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương.	Xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng.	Tháng 4/1971 - Tháng 6/1974: Chiến sỹ C12N25 Xây dựng 67 tỉnh Quảng Bình.	Bảng khen của Chủ tịch UBND	

			tỉnh Thanh Hóa	tỉnh Bình Phước		tỉnh.	
29	Bà Cao Thị Thảo	1954	Xã Hoàng Đông, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Phú Riêng, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	Tháng 3/1971 - Tháng 6/1974: Chiến sỹ C795 N89 P31, tỉnh Quảng Bình	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
30	Bà Chu Thị Sinh	1956	Xã Hoàng Đông, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Phú Riêng, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	Tháng 7/1972 - Tháng 7/1975: Thanh niên Xung phong Ban Xây dựng, đơn vị C2931 N293 P31, tỉnh Quảng Bình	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
31	Ông Đỗ Đình Thám	1953	Xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Xã Phú Riêng, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	- Tháng 7/1971 - Tháng 01/1972: Công nhân Quốc phòng, đơn vị BT23 Cục vận tải, tỉnh Phú Thọ - Tháng 2/1972 - Tháng 3/1974: thợ sửa chữa ô tô, Đơn vị C25 D945 Cục vận tải, tỉnh Quảng Bình, Lào - Tháng 4/1974 - Tháng 01/1975: Học viên trường Nghiệp vụ Cục vận tải, Sơn Tây	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
32	Bà Cao Thị Dung	1954	Xã Tân Khang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Phú Riêng, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	Tháng 2/1972 - Tháng 10/1975: Chiến sỹ C3 N259 tổng đội 572, Lào	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
33	Ông Phạm Thanh Minh	1954	Xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xã Phú Riêng, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	- Tháng 4/1971 - Tháng 6/1974: Chiến sỹ, đơn vị C10 N25 P31, Ban Xây dựng 67, tỉnh Quảng Bình - Tháng 7/1974 - Tháng 4/1977 Phó Bí thư Đoàn xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	

34	Bà Đỗ Thị To	1948	Xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Phú Riêng, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	Tháng 7/1965 - Tháng 12/1968: Thanh niên Xung phong Ban Xây dựng, đơn vị C853 N85 P27, tỉnh Nghệ An	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.
35	Bà Phạm Thị Cải	1953	Xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Phú Riêng, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	Tháng 4/1969 - Tháng 12/1971: Thanh niên Xung phong, đơn vị C2371 N237 P31, Ban xây dựng 67, tỉnh Quảng Bình	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.
36	Bà Trần Thị Cẩm	1950	Xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Xã Phú Riêng, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	Tháng 6/1969 - Tháng 12/1971: Thanh niên Xung phong, đơn vị C2371 N237 P31, Ban xây dựng 67, tỉnh Quảng Bình	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.
37	Bà Triệu Thị Sen	1950	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Xã Phú Riêng, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	Tháng 3/1967 - Tháng 12/1970: Thanh niên Xung phong, đơn vị N91 P11, tỉnh Thái Nguyên	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.
38	Ông Nguyễn Quang Lũy	1954	Xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	Xã Bù Nho, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	- Tháng 4/1972 - Tháng 4/1973: Du kích xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Tháng 4/1973 - Tháng 10/1975: Tiểu Đội trường Đơn vị Vây ếp, huyện Đội Triệu Phong.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.
39	Bà Bùi Hoàng Hồng	1954	Xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	Xã Phước Tân, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước	Tháng 8/1968 - Tháng 3/1971: Theo dõi và báo tin tức khi có lính Quốc gia ở vùng hưng Long cho cách mạng	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.
40	Bà Trần Thị Lưu	1950	Xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	- Tháng 4/1972 - Tháng 12/1972: Áp dõi trường xã đội Lộc Thái, huyện Lộc Ninh. - Tháng 12/1972 - Tháng 4/1975: B trưởng Trung đội trực chiến 12ly 8 xã Lộc Thái.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.
41	Bà Trương Thị Bắc	1954	Xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	- Tháng 3/1972 - Tháng 3/1973: Y tá Khu nhà tá thị xã Cẩm Ché, Campuchia. - Tháng 3/1973 - Tháng 5/1976: Du kích xã	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

					Đội Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh.		
42	Ông Hoàng Ngọc Bình	1956	Xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	- Tháng 5/1972 - Tháng 6/1973: Nhân viên Ban Kinh tài huyện Lộc Ninh. - Tháng 7/1973 - Tháng 4/1975: Công nhân viên Đội Chiếu bóng, Phòng Văn hóa huyện Lộc Ninh.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
43	Ông Phạm Đình Chung	1953	Xã An Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Hải Hưng	Xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	- Tháng 4/1972 - Tháng 3/1974: Công binh C4, D2, Đoàn 25 Miền Đông Nam bộ. - Tháng 4/1974 - Tháng 12/1977: Công binh C19, Đoàn 25, Tây Ninh.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
44	Ông Trần Ngọc Trang	1954	Xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	Tháng 5/1972 - Năm 1974: H1, H2, C31, 32 Lộc Ninh. Năm 1975 - năm 1977: Đoàn 7707 Trại tử binh 12.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
45	Bà Lê Thị Đức	1960	Xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Từ năm 1970 đến 1975: Tham gia phục vụ, giúp đỡ cách mạng, nhận vận chuyển lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cho bộ đội, gom góp gạo của gia đình và vận động nhân dân được 300 kg gạo cho cách mạng.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
46	Bà Nguyễn Thị Cây	1955	Xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Tháng 5/1972 - Tháng 10/1975: Du kích xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
47	Bà Đinh Thị Mơ	1958	Xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Tháng 4/1972 - Tháng 4/1975: Du kích xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
48	Bà Lại Thị Tuất	1958	Xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh.	Xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh.	Tháng 4/1972 - Tháng 6/1978: Du kích xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh.	Bảng khen của Chủ tịch UBND	

			tỉnh Bình Phước	tỉnh Bình Phước		tỉnh.	
49	Ông Vũ Phi Long	1954	Xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Tháng 5/1972 - Tháng 10/1975: Du kích xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
50	Bà Đỗ Thị Liên	1956	Xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Tháng 5/1972 - Tháng 4/1975: Du kích xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
51	Bà Phạm Thị Đình	1942	Xã Hồng Du, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Hưng	Xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Tháng 10/1968 - Tháng 12/1972: Du kích xã Hồng Du, huyện đội Ninh Giang.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
52	Ông Trần Thanh Dầu	1955	Xã Vĩnh Tế, huyện Châu Đốc, tỉnh An Giang	Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	- Tháng 3/1970 - Tháng 4/1974 Giao liên, Trạm xá ấp Nhà lá X77-K49 tỉnh Krtie, Campuchia - Tháng 4/1974 - Tháng 7/1975: Phụ trách Thanh Thiếu niên, xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
53	Bà Phạm Thị Phương	1956	Xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	Năm 1972 - Năm 1975: Chiến sĩ lực lượng du kích tập trung xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
54	Bà Hoàng Thị Ánh	1955	Xã Triệu Đò, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	Xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	- Tháng 5/1972 - Tháng 4/1975: Dân quân Du kích xã Triệu Đò, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
55	Bà Trần Minh Nguyệt	1958	Xã Lộc Thuận, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	Xã Lộc Thuận, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	Tháng 4/1972 - Tháng 12/1979: Du kích xã đội Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
56	Ông	1956	Xã Minh Đức, huyện Tân Thành, huyện Bù Đốp,	Xã Tân Thành, huyện Bù Đốp,	Tháng 4/1972 - Tháng 4/1975: Du kích xã Minh Đức, huyện Bình Long, tỉnh	Bảng khen của Chủ tịch UBND	

	Vũ Văn Chiến		thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	tỉnh Bình Phước	Sông Bé (cũ).	tỉnh.	
57	Ông Nguyễn Văn Hạnh	1958	Xã Triệu Hải, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	TT. Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Năm 1972 - 1976: Giao liên Ban binh vận tỉnh Bình Phước (Từ năm 1970 - 1976: Làm giao liên cho Ban Binh vận tỉnh Bình Phước).	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
58	Bà Nguyễn Thị Tuyền	1952	Xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	TT. Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Tháng 7/1971 - Tháng 11/1974: Chiến sĩ Đại đội 795, N89, BXD 67.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
59	Bà Nguyễn Thị Tươi	1956	Xã Thiện Hưng, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Xã Thiện Hưng, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	- Tháng 5/1972 - Tháng 12/1972: Chiến sĩ C1, K16, huyện Bù Đốp. - Tháng 01/1973 - Tháng 10/1976: Văn thư huyện đội K16, huyện Bù Đốp.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
60	Ông Trần Vinh Hạnh	1949	Xã Sơn Công, huyện Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Xã Thiện Hưng, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	- Tháng 4/1972 - Tháng 12/1972: Chiến sĩ C1, K16, huyện Bù Đốp. - Tháng 01/1973 - Tháng 6/1976: Quản lý C1, K16, huyện Bù Đốp.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	
61	Bà Vũ Thị Quang	1953	Xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Tháng 3/1969 - Tháng 3/1973: Du kích tập trung trực chiến 12ly7 xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng.	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	

